TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST-HNGĐ	*Thạch Thành, ngày 12 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:172/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Nguyễn Hữu S - Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu S và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện,có đăng ký kết hôn ngày 31/07/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến nay, anh S và chị T đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung:Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày: 15/10/2003 và Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày: 19/01/2013. Sau khi ly hôn, anh S và chị

T thỏa thuận giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 03/2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Cháu L đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản: Anh S và chị T thỏa thuận thống nhất. Anh S và chị T có tài sản chung là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 11 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 467m^2 có giá trị là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất có giá 200.000.000 đồng. Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận chia tài sản như sau:

Anh S sẽ được quyền sử dụng, sở hữu 275,9m^2 đất phía Bắc của thửa đất và ngôi nhà cùng các công trình phụ trên đất. Phần đất anh S nhận có tứ cạnh như sau: Cạnh phía tây của phần đất giáp đường tỉnh lộ 516 dài 22,8m; Cạnh phía Đông của phần đất giáp đất trồng cây hằng năm chia thành các đoạn có kích thước lần lượt là 5,7m; 8,1m; Cạnh phía Bắc của phần đất giáp đất trồng cây hằng năm được chia thành 3 đoạn có kích thước lần lượt là 3,4m; 8,6m; 12,3; Cạnh phía Nam của phần đất giáp phần đất của chị T được nhận có chiều dài 19,0m. Giá trị phần đất và tài sản trên có giá trị 377.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Chị T sẽ được quyền sử dụng, sở hữu tài sản là 187,1m^2 đất phía Nam của thửa đất có tứ cạnh như sau: Cạnh phía Tây của phần đất giáp đường tỉnh lộ 516 dài 9,4m; Cạnh phía Đông của phần đất giáp đất trồng cây hằng năm chia thành các đoạn có kích thước lần lượt là 1,1m; 3,0m; 5,8m; Cạnh phía Nam của phần đất giáp thửa đất số 116 của hộ gia đình ông Nguyễn Hữu V dài 21,3m; Cạnh phía Bắc của phần đất giáp với phần đất anh S được nhận dài 19,0m. Trị giá tài sản chị T được nhận có giá 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Hai bên không phải trả tiền chênh lệch cho nhau về giá trị tài sản được nhận.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh S và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh S và chị T cùng chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu S và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày: 19/01/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ

tháng 03/2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 15/10/2003 đến nay đã đủ tuổi thành niên nên anh S và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh S và chị T có tài sản chung là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 11 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 467m^2 có giá trị là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất có giá 200.000.000 đồng. Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận chia tài sản như sau:

Anh Nguyễn Hữu S sẽ được quyền sử dụng, sở hữu 275,9m^2 đất ở phía Bắc của thửa đất và ngôi nhà cùng các công trình phụ trên đất. Phần đất anh S nhận có tứ cạnh như sau: Cạnh phía tây của phần đất giáp đường tỉnh lộ 516 dài 22,8m; Cạnh phía Đông của phần đất giáp đất trồng cây hằng năm chia thành các đoạn có kích thước lần lượt là 5,7m; 8,1m; Cạnh phía Bắc của phần đất giáp đất trồng cây hằng năm được chia thành 3 đoạn có kích thước lần lượt là 3,4m; 8,6m; 12,3; Cạnh phía Nam của phần đất giáp phần đất của chị T được nhận có chiều dài 19,0m **(Có sơ đồ kèm theo quyết định)**. Giá trị phần đất và tài sản trên đất có giá trị 377.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị T sẽ được quyền sử dụng, sở hữu tài sản là 187,1m^2 đất phía Nam của thửa đất có tứ cạnh như sau: Cạnh phía Tây của phần đất giáp đường tỉnh lộ 516 dài 9,4m; Cạnh phía Đông của phần đất giáp đất trồng cây hằng năm chia thành các đoạn có kích thước lần lượt là 1,1m; 3,0m; 5,8m; Cạnh phía Nam của phần đất giáp thửa đất số 116 của hộ gia đình ông Nguyễn Hữu V dài 21,3m; Cạnh phía Bắc của phần đất giáp với phần đất anh S được nhận dài 19,0m **(Có sơ đồ kèm theo quyết định)**. Trị giá tài sản chị T được nhận là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Anh S và chị T không phải trả tiền chênh lệch cho nhau về giá trị tài sản được nhận.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hữu S và chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: 0002207 ngày 07/12/2023. Anh S và chị T đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Cẩm;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Hải